

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**  
**YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICULTURAL AND FOODSTUFFS COMPANY**

Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province

Email: [Yfatuf@gmail.com](mailto:Yfatuf@gmail.com)

Website: [www.yfatuf.com.vn](http://www.yfatuf.com.vn)

---



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** **QUÝ IV NĂM 2016**

Kính gửi: .....

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>78.446.983.282</b>	<b>76.647.699.984</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>32.455.265.230</b>	<b>23.491.834.910</b>
1. Tiền	111		2.725.215.230	5.161.784.910
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.730.050.000	18.330.050.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>2.525.545.774</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	(...)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<b>V.2</b>	-	2.525.545.774
			-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.121.217.388</b>	<b>8.420.788.060</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	6.788.613.274	9.871.421.809
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.4</b>	147.000.000	167.249.375
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác (135-041)	136	<b>V.5</b>	442.188.046	667.200.808
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>V.6</b>	(2.256.583.932)	(2.285.083.932)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>40.870.500.664</b>	<b>41.980.248.343</b>
1. Hàng tồn kho	141		40.870.500.664	41.996.128.248
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(15.879.905)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.8</b>	<b>-</b>	<b>229.282.897</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	28.869.465
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	200.413.432
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27.020.336.267</b>	<b>34.614.960.196</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>V.9</b>	<b>-</b>	<b>148.233.640</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	148.233.640
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.875.423.147</b>	<b>34.326.737.044</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	26.875.423.147	34.326.737.044
- Nguyên giá	222		155.599.267.216	153.912.094.264
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(128.723.844.069)	(119.585.357.220)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	
- Nguyên giá	225		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	(...)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	
- Nguyên giá	228		75.000.000	75.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(75.000.000)	(75.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.12	<b>-</b>	<b>84.221.300</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	84.221.300
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	(...)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	V.13	<b>144.913.120</b>	<b>55.768.212</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		144.913.120	55.768.212
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>105.467.319.549</b>	<b>111.262.660.180</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35.874.338.650</b>	<b>36.607.639.920</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.832.488.650</b>	<b>34.743.850.873</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	7.862.865.336	6.455.330.086
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	753.265.509	2.252.175.549
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	3.347.747.299	3.276.311.090
4. Phải trả người lao động	314		16.258.056.553	10.565.756.385
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.267.819.630	2.329.807.036
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	329.705.294	722.816.015
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	2.694.771.760	7.666.383.043
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	-	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.318.257.269	1.475.271.669
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>41.850.000</b>	<b>1.863.789.047</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.22	1.850.000	1.823.789.047
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	40.000.000	40.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>69.592.980.899</b>	<b>74.655.020.260</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.24	<b>69.592.980.899</b>	<b>74.655.020.260</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.600.880.000	34.000.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.600.880.000	34.000.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		410.455.470	5.211.335.970
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.258.584.758	35.119.723.619
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.180.743.519	3.128.528.615
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.077.841.239	31.991.195.004
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>105.467.319.549</b>	<b>111.262.660.180</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng



Hứa Minh Hồng



Giám đốc

Trần Công Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Quý IV năm 2016*

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	95.040.312.621	85.272.779.983	322.819.971.378	306.863.524.831
<i>Ghi chú: Doanh thu nội bộ</i>			<i>104.769.235.844</i>		<i>39.353.931.884</i>	<i>31.690.756.792</i>
<i>Trong đó: Doanh thu xuất khẩu</i>					<i>129.786.342.895</i>	<i>99.025.079.454</i>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	0	0		0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		95.040.312.621	85.272.779.983	322.819.971.378	306.863.524.831
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	74.855.974.521	60.615.551.164	271.383.116.739	249.218.545.069
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		20.184.338.100	24.657.228.819	51.436.854.639	57.644.979.762
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.113.686.358	447.108.647	2.026.138.210	1.522.781.438
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	654.683.097	189.518.101	1.502.841.120	717.944.597
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>65.392.297</i>	<i>125.457.668</i>	<i>833.784.432</i>	<i>597.195.210</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.b	2.487.142.951	4.653.922.398	12.164.371.451	13.020.181.917
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.a	5.130.590.897	-2.504.467.808	16.532.356.284	8.359.896.927
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.025.607.513	22.765.364.775	23.263.423.994	37.069.737.759
11. Thu nhập khác	31	VI.6	0	0	184.982.683	182.659.090
12. Chi phí khác	32	VI.7	56.909.341	-55.324.000	64.582.068	752.104.764
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-56.909.341	55.324.000	120.400.615	-569.445.674
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.968.698.172	22.820.688.775	23.383.824.609	36.500.292.085
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.938.560.229	3.756.584.560	3.305.983.370	5.253.736.188
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		11.030.137.943	19.064.104.215	20.077.841.239	31.246.555.897
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.317	6.607	4.218	9.190
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thu Hằng*

Kế toán trưởng

*Hứa Minh Hồng*



Trần Công Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp) (\*)*  
**Năm 2016**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>23.383.824.609</b>	<b>36.500.292.085</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.811.102.398	10.045.593.089
- Các khoản dự phòng	03		-15.879.905	338.894.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		536.910.717	66.302.941
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		523.297.090	1.522.781.438
- Chi phí lãi vay	06		834.324.432	597.195.210
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>35.073.579.341</b>	<b>49.071.058.763</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.505.881.058	(18.848.796.488)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.109.747.679	11.421.438.639
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.726.682.191	(17.010.407.823)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(60.275.443)	(244.839.595)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(543.014.803)	(1.145.986.995)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.709.533.984)	(4.881.829.977)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.630.914.647	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.716.310.000)	1.475.271.669
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>39.017.670.686</b>	<b>19.835.908.193</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.028.664.860)	(1.906.210.140)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		113.363.636	182.659.090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		821.164.635	1.380.844.857
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.094.136.589)</b>	<b>(342.706.193)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		32.404.441.665	10.061.320.416
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(37.376.052.948)	(13.382.074.671)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.100.585.000)	(13.600.360.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(27.072.196.283)</b>	<b>(16.921.114.255)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.851.337.814</b>	<b>2.572.087.745</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>23.491.834.910</b>	<b>20.814.666.125</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>112.092.506</b>	<b>105.081.040</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>32.455.265.230</b>	<b>23.491.834.910</b>

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

  
Hứa Minh Hồng





# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
  - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
  - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
  - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**  
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:  
*Bao gồm:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**  
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

**5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2016 : 22.720 VND/USD

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

### 13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### 15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với dự án xây dựng Nhà máy sản xuất giấy để xuất khẩu Thác Bà của Nhà máy giấy Yên Bình, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm (đến hết năm 2017). Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong ba (03) năm đầu tiên (đến hết năm 2008) và giảm 50% trong năm (05) năm tiếp theo (đến hết năm 2013).

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Đối với thu nhập chịu thuế dự án chế biến tinh dầu quế Văn Chấn và các sản phẩm từ quế trên địa bàn huyện Văn Chấn công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 50% của mức thuế phổ thông năm 2015 - 2016.

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

#### 17. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### *Các khoản cho vay và phải thu*

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### 18. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

14  
TY  
IA  
IG  
PH  
BI  
11-3

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **Công cụ tài chính phức hợp**

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

### **19. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

		<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>					
		2.725.215.230		5.161.784.910	
Tiền mặt		29.730.050.000		18.330.050.000	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn					
Các khoản tương đương tiền					
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng		32.455.265.230		23.491.834.910	
<b>2. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>					
	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>			
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	2.525.545.774	2.525.545.774	
<b>Cộng</b>	-	-	<b>2.525.545.774</b>	<b>2.525.545.774</b>	
<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>					
		<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
Công ty TNHH Đức Việt Anh		399.583.932		399.583.932	
Công ty TNHH Mậu Dịch Vĩnh Đại Tường		-		645.120.000	
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín		1.073.139.463		1.083.895.879	
Công ty TNHH Giấy Lọc phẩm - Đài Loan		678.192.000		2.232.944.000	
Công ty cổ phần tinh dầu và chất thơm		1.857.000.000		1.857.000.000	
Công ty TNHH MTV nông sản Đông Hưng		128.401.063		78.190.036	
Công ty TNHH MTV TM và VT QT Thái Dương		682.975.500		418.298.000	
Công ty TNHH mậu dịch XNK Phúc Thuận		-		3.013.500.000	
Công ty TNHH Vĩnh Hùng Cát		226.476.787		-	
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		1.590.400.000		-	
Khách hàng khác		152.444.529		142.889.962	
<b>Cộng</b>		<b>6.788.613.274</b>		<b>9.871.421.809</b>	
<b>4. Trả trước cho người bán</b>					
		<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
Công ty CP Cát Thịnh				-	
Công ty TNHH Cơ khí và TM Phú Nam		147.000.000		-	
Công ty Điện lực yên Bái				138.749.375	
Các đối tượng khác				28.500.000	
<b>Cộng</b>		<b>147.000.000</b>		<b>167.249.375</b>	
<b>5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>					
		<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Ông Đào Tiến Hùng- tiền hỗ trợ mua xe	22.500.000	-			-
Kinh Phí công đoàn	-	-			-
Bảo Hiểm xã hội	-	-			-
Tiền điện thoại phải thu cá nhân	1.021.062	-	2.363.385		-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Thuế TNCN phải thu		20.357.993
Ký cược, ký quỹ	7.971.884	174.720.000
Tạm ứng	391.555.100	459.639.430
Phải thu tiền phí chuyển tiền		
Phải thu tiền vận chuyển hộ	19.140.000	10.120.000
<b>Cộng</b>	<b>442.188.046</b>	<b>667.200.808</b>

<b>6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
<b>Số đầu năm</b>	(2.285.083.932)		(2.285.083.932)
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Giảm do xóa nợ	28.500.000		28.500.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(2.256.583.932)</b>		<b>(2.256.583.932)</b>
<i>Chi tiết các khoản dự phòng xem phụ lục số 01</i>			

<b>7. Hàng tồn kho:</b>	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	13.519.060.633		7.143.493.731	
Chi phí sản xuất KD dở, dang;	1.881.919.281		1.630.885.050	
Thành phẩm;	25.052.148.750	(15.879.905)	31.845.319.242	(15.879.905)
Hàng gửi bán;	417.372.000		1.376.430.225	
<b>Cộng</b>	<b>40.870.500.664</b>	<b>(15.879.905)</b>	<b>41.996.128.248</b>	<b>(15.879.905)</b>

<b>8. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ dụng cụ tại NM Yên Bình	-	28.869.465
Chi phí sửa chữa BD DC SX Sản	-	
Công cụ dụng cụ NM Minh Quân	-	
CP sửa chữa nhà xưởng NM Nguyễn Phúc	-	
Công cụ dụng cụ tại Văn Chấn, Yên Hợp	-	
CP bốc xếp thu mua NL Quế	-	
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>28.869.465</b>

<b>9. Phải thu dài hạn khác</b>	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	-		148.233.640	
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>148.233.640</b>	<b>-</b>

*Quyết toán vốn dự án hoàn thành: Dự án chế biến bã sắn*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

**10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	53.316.932.698	96.371.162.259	3.216.680.853	397.848.418	609.470.036	153.912.094.264
Tăng trong kỳ	670.710.682	2.147.084.636	1.059.199.999	69.669.543	-	3.946.664.860
-Do mua sắm mới	670.710.682	2.147.084.636	1.059.199.999	69.669.543	-	3.946.664.860
-Do XDCB hoàn thành						
Giảm trong kỳ	(123.218.717)	(1.545.785.451)	(355.414.322)	(235.073.418)	-	(2.259.491.908)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC	(82.000.000)	82.000.000				
- Thanh lý, nhượng bán	(41.218.717)	(1.627.785.451)		(235.073.418)		(1.904.077.586)
Số cuối kỳ	53.864.424.663	96.972.461.444	3.920.466.530	232.444.543	609.470.036	155.599.267.216
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	22.840.710.709	60.205.053.040	844.204.618	104.925.000	555.751.854	84.550.645.221
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	39.425.515.964	77.665.321.306	1.578.456.407	340.202.719	575.860.824	119.585.357.220
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	4.095.069.904	5.162.649.146	504.506.514	23.325.349	25.561.485	9.811.102.398
- Tăng do điều chỉnh phân loại		82.000.000				82.000.000
Giảm trong kỳ	(123.218.716)	(40.909.091)	(355.414.322)	(235.073.418)	(2)	(754.615.549)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
- Thanh lý, nhượng bán	(123.218.716)	(40.909.091)	(355.414.322)	(235.073.418)	(2)	(754.615.549)
Số cuối kỳ	43.397.367.152	82.869.061.361	1.727.548.599	128.454.650	601.412.307	128.723.844.069
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	18.618.439.915	14.958.250.068	58.467.179	174.993.689	87.443.254	33.897.594.105
Số cuối kỳ	10.467.057.511	14.103.400.083	2.192.917.931	103.989.893	8.057.729	26.875.423.147

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

- Là phần mềm máy vi tính, phần mềm này đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

**12. Chi phí XDCB dở dang**

	Số đầu năm	CP phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCB/Vào CP	Số cuối kỳ
Hệ thống nước thải NMG Yên Bái	84.221.300		84.221.300	-
Chi phí SC MMTB Yên Bình		457.327.294	457.327.294	-
Chi phí SC MMTB Văn Chấn		359.452.828	359.452.828	-
Chi phí SC MMTB Minh Quân		234.285.891	234.285.891	-
Chi phí SC MMTB Yên Hợp		230.412.140	230.412.140	-
Chi phí SC nhà xưởng Nguyễn Phúc		764.281.714	764.281.714	-
Chi phí SC MMTB Sản Văn Yên		944.665.515	944.665.515	-
Chi phí SC MMTB Quế Văn Chấn		39.931.000	39.931.000	-
<b>Cộng</b>	<b>84.221.300</b>	<b>3.030.356.382</b>	<b>3.114.577.682</b>	-

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ dụng cụ tại Văn Yên	82.913.120	
CP bốc xếp thu mua NL Quế	62.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>144.913.120</b>	

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì	798.005.787	569.191.089
Công ty TNHH đầu tư TMSX Minh Tiến	254.837.000	210.472.350
Công ty TNHH An Hoa	257.400.000	448.800.000
Công ty cổ phần Đông Á	1.089.523.270	605.256.190
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	348.810.000	354.200.000
Công ty TNHH MTV Hà Thành	128.700.000	0
Công ty TNHH TM Phùng Hưng	100.765.500	103.785.000
Công ty TNHH TM XNK và XD Hưng Hiệp	-	565.500.000
Công ty cổ phần Thăng Huy	148.500.000	
Công ty cổ phần Việt Thịnh	383.220.000	
Trần Văn Chi (Đại lý sản)	652.761.800	
Nguyễn Thị Liên (Đại lý sản)	615.864.000	
Trần Văn Thảo (Đại lý sản)	1.008.946.500	
Nguyễn Ngọc Chung (Đại lý sản)	233.949.300	
Triệu Thiệu Lâm (Đại lý sản)	555.786.800	
Nguyễn Thị Túc (Đại lý sản)	404.215.300	
Vũ Đình Thân (Đại lý sản)	127.744.400	
Phải trả cho các đối tượng	753.835.679	3.598.125.457
<b>Cộng</b>	<b>7.862.865.336</b>	<b>6.455.330.086</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****15. Người mua trả tiền ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần Thiên Phúc	143.624.779	525.370.175
Công ty TNHH thương mại và DV Hồng Mã	196.500.320	279.156.200
Công ty HUEI TAI TRADING CO	337.265.450	0
Công ty cổ phần Trường Tiến	14.751.754	
JUE JUNG NAN TRADE CO, LTD		726.356.064
Phải trả cho các đối tượng	61.123.206	721.293.110
<b>Cộng</b>	<b>753.265.509</b>	<b>2.252.175.549</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp**

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-200.413.432	10.678.513.045	9.048.070.888	1.430.028.725
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12.156.690	12.156.690	
Thuế nhập khẩu				
Thuế TNDN	3.249.860.313	3.305.983.370	4.617.283.454	1.938.560.229
Thuế thu nhập cá nhân	6.442.787	1.545.983.620	1.595.169.292	-42.742.885
Thuế tài nguyên	20.007.990	150.615.450	148.722.210	21.901.230
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	196.666.534	196.666.534	
Các loại thuế khác	-	322.483.790	322.483.790	0
<b>Cộng</b>	<b>3.075.897.658</b>	<b>16.212.402.499</b>	<b>15.940.552.858</b>	<b>3.347.747.299</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí tiền điện	666.318.798	585.206.577
Chi phí NL sản	925.936.740	-
Chi phí bảo hộ lao động	-	439.000.000
CP hỗ trợ thu mua và QL vùng NL sản	309.664.092	919.206.459
Phí bảo vệ môi trường quý IV năm 2016	310.900.000	338.894.000
Chi phí khác	55.000.000	47.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.267.819.630</b>	<b>2.329.807.036</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	242.229.268
Bảo hiểm XH, YT, BHTN đã trích cho SP SX	-	-
Lãi tiền vay cá nhân	40.598.452	72.845.951
Thuế TNCN phải trả	18.064.702	-
Bảo hiểm tai nạn lao động	119.157.210	-
Tiền sáng kiến cải tiến KT	44.600.000	-
Phải trả tiền bốc xếp NL		407.740.796
Phải trả khác	107.284.930	
<b>Cộng</b>	<b>329.705.294</b>	<b>722.816.015</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn cá nhân	2.694.771.760	2.694.771.760	7.666.383.043	7.666.383.043
<b>Cộng</b>	<b>2.694.771.760</b>	<b>2.694.771.760</b>	<b>7.666.383.043</b>	<b>7.666.383.043</b>

**Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:**

	Đầu năm	Số tiền vay phát	Số tiền vay đã trả	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	0	26.755.956.617	26.755.956.617	0
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.666.383.043	5.648.485.048	10.620.096.331	2.694.771.760
	<b>7.666.383.043</b>	<b>32.404.441.665</b>	<b>37.376.052.948</b>	<b>2.694.771.760</b>

**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Là chi phí sửa chữa tài sản cố định trong kỳ

**21. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	648.494.912	1.279.647.800	1.160.440.000	767.702.712
Quỹ phúc lợi	826.776.757	1.279.647.800	555.870.000	1.550.554.557
	<b>1.475.271.669</b>	<b>2.559.295.600</b>	<b>1.716.310.000</b>	<b>2.318.257.269</b>

**22. Phải trả người bán dài hạn**

Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc

DNTN Sinh hóa Phương Toàn

Hainan DongFang Dahui Starch Produce Co., LTD

**Cộng**

	Cuối năm	Đầu năm
	1.850.000	1.850.000
		71.619.047
		1.750.320.000
	<b>1.850.000</b>	<b>1.823.789.047</b>

**Ghi chú:***Trong kỳ đã tiến hành xóa nợ của DNTN Sinh hóa Phương toàn do hợp đồng đã quá lâu**Đồng thời quyết toán vốn của Nhà thầu nước ngoài Hainan, kết thúc công nợ dài hạn***23. Phải trả dài hạn khác**

Ông Hà Xuân Quảng

Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường

Doanh nghiệp tư nhân Bốn Sao

**Cộng**

	Cuối năm	Đầu năm
	5.000.000	5.000.000
	20.000.000	20.000.000
	15.000.000	15.000.000
	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

**24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	34.000.900.000	323.060.671	3.490.278.058	19.560.475.488	57.374.714.217
Lợi nhuận trong năm trước				31.991.195.004	31.991.195.004
Trích lập các quỹ trong năm trước			1.721.057.912	(1.721.057.912)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(860.528.956)	(860.528.956)
Trích quỹ thường Ban lãnh đạo				(250.000.000)	(250.000.000)
Chi cổ tức				(13.600.360.000)	(13.600.360.000)
Giảm khác				(5)	(5)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>34.000.900.000</b>	<b>323.060.671</b>	<b>5.211.335.970</b>	<b>35.119.723.619</b>	<b>74.655.020.260</b>
Số dư đầu năm nay	34.000.900.000	323.060.671	5.211.335.970	35.119.723.619	74.655.020.260
Lợi nhuận trong kỳ				20.077.841.239	20.077.841.239
Trích lập các quỹ trong kỳ			3.199.119.500	(3.199.119.500)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(2.559.295.600)	(2.559.295.600)
Trích quỹ thường Ban lãnh đạo				(480.000.000)	(480.000.000)
Chi cổ tức năm 2015				(22.100.585.000)	(22.100.585.000)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP	5.599.980.000			(5.599.980.000)	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ	8.000.000.000		(8.000.000.000)	-	-
Bán cổ phiếu quỹ				-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>47.600.880.000</b>	<b>323.060.671</b>	<b>410.455.470</b>	<b>21.258.584.758</b>	<b>69.592.980.899</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Vốn góp của các cổ đông	47.600.880.000	34.000.900.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
	<b>47.923.940.671</b>	<b>34.323.960.671</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phần</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.600.880.000	34.000.900.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	13.600.360.000
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	4.760.088	3.400.090
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.760.088	3.400.090
+ Cổ phiếu phổ thông	4.760.088	3.400.090
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.760.088	3.400.090
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000	10.000
<b>đ) Cổ tức</b>		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....	4.218	5.062
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp:</b>		
- Quỹ đầu tư phát triển;	410.455.470	5.211.335.970
<b>20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	6.349.374.348	1.859.642.228
Nợ khó đòi đã xử lý	28.500.000	
Ngoại tệ các loại: USD	215,100	57.558,590

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng</b>		
<b>cấp dịch vụ</b>	<b>322.819.971.378</b>	<b>306.863.524.831</b>
hàng hóa	322.819.971.378	306.863.524.831
<b>Trong đó: Doanh thu nội địa</b>	<b>193.033.628.483</b>	<b>228.709.519.536</b>
DT xuất khẩu trực tiếp	129.786.342.895	78.154.005.295
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã:	52.226.330.000	41.043.599.750
Tương đương Tiền USD	2.338.050,00	1.885.350
- DT Sản phẩm Giấy để XK	29.499.487.895	9.960.925.545
Tương đương Tiền USD	1.320.645,63	457.562,33
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn:	48.060.525.000	27.149.480.000
Quy ra USD	2.115.340,01	1.209.869,88
Tổng cộng USD:	5.774.035,64	3.552.782,21
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>322.819.971.378</b>	<b>306.863.524.831</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

<i>2. Các khoản giảm trừ doanh</i>	Năm nay	Năm trước
	0	0
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của thành phẩm đã	271.383.116.739	249.218.545.069
	<b>271.383.116.739</b>	<b>249.218.545.069</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.269.714.703	1.406.993.814
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	756.423.507	115.787.624
	<b>2.026.138.210</b>	<b>1.522.781.438</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền vay;	668.516.688	623.344.167
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	834.324.432	94.600.430
	<b>1.502.841.120</b>	<b>717.944.597</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Thu nhập khác từ xử lý nợ	71.619.047	
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	113.363.636	182.659.090
	<b>184.982.683</b>	<b>182.659.090</b>
<b>7. Chi phí khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Các khoản bị phạt;	3.729.498	
- Các khoản khác	60.852.570	752.104.764
	<b>64.582.068</b>	<b>752.104.764</b>
<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
a) Các khoản chi phí quản lý		
Chi phí nhân viên quản lý	7.773.432.608	835.327.904
Chi phí vật liệu quản lý	234.342.117	162.939.965
Chi phí đồ dùng văn phòng	517.296.451	305.305.904
Chi phí khấu hao TSCĐ	883.070.199	703.658.346
Thuế, phí và lệ phí	2.057.216.684	1.719.697.039
Chi phí dự phòng	14.100.000	983.022.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	621.055.423	610.281.773
Chi phí bằng tiền khác	4.431.842.802	3.039.663.496
<b>Cộng</b>	<b>16.532.356.284</b>	<b>8.359.896.927</b>
b) Các khoản chi phí bán hàng		
- Các khoản chi phí bán hàng	12.164.371.451	13.020.181.917
<b>Cộng</b>	<b>12.164.371.451</b>	<b>13.020.181.917</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

**9. Chi phí thuế thu nhập**

- Chi phí thuế thu nhập doanh
- Tổng chi phí thuế thu nhập

Năm nay

0

3.305.983.370

Năm trước

5.253.736.188

5.253.736.188

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thu Hằng*

Kế toán trưởng

*Hứa Minh Hồng*

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2017



Giám đốc

*Trần Công Bình*

11-21-2017 2/4

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)				Loại trừ nội bộ	Đơn vị tính: VND
	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	101.783.966.105	52.226.330.000	151.824.907.091	16.895.545.455	87.222.727	322.819.971.378
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	12.050.196.373	15.214.473.492	38.502.483.744	4.427.040.924	(104.769.235.844)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>113.834.163.478</b>	<b>67.440.803.492</b>	<b>190.327.390.835</b>	<b>21.322.586.379</b>	<b>87.222.727</b>	<b>322.819.971.378</b>
Chi phí bộ phận	-	92.420.257.010	138.748.379.391	17.014.732.296	-	299.992.621.747
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	9.365.709.095	13.076.527.700	(119.186.841)	-	22.740.126.904
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	2.026.138.210
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(1.502.841.120)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	184.982.683
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(64.582.068)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	(3.305.983.370)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.077.841.239</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty					
	Công ty (hoạt động khác)	Giấy đá	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng
<b>Số cuối năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	63.927.536.765	9.042.106.872	2.668.775.793	26.436.947.495	3.391.952.624	105.467.319.549
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(23.659.174.781)	4.606.654.664	400.962.241	16.074.532.860	2.577.025.016	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>40.268.361.984</b>	<b>13.648.761.536</b>	<b>3.069.738.034</b>	<b>42.511.480.355</b>	<b>5.968.977.640</b>	<b>105.467.319.549</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(5.932.281.458)	9.308.944.196	2.668.775.793	26.436.947.495	3.391.952.624	35.874.338.650
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>(5.932.281.458)</b>	<b>9.308.944.196</b>	<b>2.668.775.793</b>	<b>26.436.947.495</b>	<b>3.391.952.624</b>	<b>35.874.338.650</b>
<b>Số đầu năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	69.213.296.553	6.698.895.101	1.759.121.530	31.176.459.395	2.414.887.601	111.262.660.180
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(32.908.421.430)	6.292.540.519	349.133.567	21.501.496.203	4.765.251.141	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>36.304.875.123</b>	<b>12.991.435.620</b>	<b>2.108.255.097</b>	<b>52.677.955.598</b>	<b>7.180.138.742</b>	<b>111.262.660.180</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	(4.351.212.930)	6.832.246.664	1.238.911.776	30.616.071.316	2.271.623.094	36.607.639.920
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>(4.351.212.930)</b>	<b>6.832.246.664</b>	<b>1.238.911.776</b>	<b>30.616.071.316</b>	<b>2.271.623.094</b>	<b>36.607.639.920</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	193.033.628.483	113.375.585.440
Khu vực xuất khẩu	129.786.342.895	129.786.342.895
<b>Cộng</b>	<b><u>322.819.971.378</u></b>	<b><u>243.161.928.335</u></b>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(4.028.664.860)	(844.722.150)
<b>Cộng</b>	<b><u>(4.028.664.860)</u></b>	<b><u>(844.722.150)</u></b>

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Hứa Minh Hồng



Giám đốc

Trần Công Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

12 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu khó đòi

TT	Tên đơn vị	Số tiền nợ	Lũy kế đầu kỳ	Số trích kỳ này	Lũy kế	Ghi chú
1	Công ty TNHH Đức Việt Anh(131)	51.480.521	51.480.521		51.480.521	Quá hạn trên 05 năm
2	Công ty TNHH Đức Việt Anh(131)	348.103.411	348.103.411		348.103.411	Quá hạn trên 05 năm
3	Cty cổ phần Năm Sao (331)	16.500.000	16.500.000	-16.500.000	0	Xoá nợ - Quá hạn trên 06 năm
4	Chi nhánh điện Văn Chấn(331)	12.000.000	12.000.000	-12.000.000	0	Xoá nợ - Quá hạn trên 06 năm
5	Công ty Cổ phần tinh dầu và chất thơm	-	-		0	
	+ Hợp đồng: 10/06/2013 - 70%	814.000.000	814.000.000	0	814.000.000	Quá hạn trên 03 năm
	+ Hợp đồng: 21/08/2013 - 50%	1.043.000.000	1.043.000.000	0	1.043.000.000	Quá hạn trên 03 năm
		<b>2.285.083.932</b>	<b>2.285.083.932</b>	<b>(28.500.000)</b>	<b>2.256.583.932</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hằng

Công ty CP LNS Thực phẩm Yên Bái

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 19 / KT

Yên Bái, ngày 16 tháng 01 năm 2017.

v/v giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước -- BCTC hợp nhất.

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Cơ quan trong thời gian qua đối với Công ty Cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái, mã chứng khoán CAP.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty quý 4/ 2016 có kết quả như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4/2016	:	11.030.137.943 đ
Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4/2015	:	19.064.104.215 đ
Tỷ lệ so sánh	:	57,8 %

Công ty CP LNS thực phẩm Yên Bái giải trình yếu tố ảnh hưởng giảm lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước như sau:

- Doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính tăng.
- Chi phí sản xuất tăng mạnh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, do cùng kỳ năm trước điều chỉnh hạch toán giảm một số khoản xuất phát từ việc thay đổi phương pháp hạch toán.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty chúng tôi.  
Xin trân thành cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- như trên
- lưu tại phòng KT

CÔNG TY CP LNS THỰC PHẨM YÊN BÁI  
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM GIẢM ĐỐC CTY



TRẦN CÔNG BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN  
THỰC PHẨM YÊN BÁI  
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 20 /CK  
V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 16 tháng 01 năm 2017

Kính gửi:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279 – đường Nguyễn Phúc - Phường Nguyễn Phúc – thành phố Yên Bái – tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại : 0293.862.278 – fax 0293. 862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Hứa Minh Hồng
6. Nội dung công bố thông tin:
  - 6.1 Báo cáo tài chính quý IV năm 2016 của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

Bảng cân đối kế toán  
Báo cáo kết quả kinh doanh  
Báo cáo luân chuyển tiền tệ  
Thuyết minh báo cáo tài chính

- 6.2 Nội dung giải trình:

Văn bản số 18 /KT ngày 16/01/2017 v/v giải trình chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm trước của doanh nghiệp cấp trên.  
Văn bản số 19 /KT ngày 16/01/2017 v/v giải trình chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính hợp nhất Công ty.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại [www.yfatuf.com.vn](http://www.yfatuf.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận: Như trên  
Lưu tại đơn vị



Hứa Minh Hồng